TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-09-2024.
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Cao Đình Nhân

- Bà Nguyễn Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 340/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc *"Ly hôn"*theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1991

Trú tại: Tổ 2, thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1982

Trú tại: Tổ 2, thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2024, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn A kết hôn từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Bình Định vào ngày 29/02/2012. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có thời gian

tìm hiểu trong hơn 03 năm, từ năm 2013 vợ chồng cùng chung sống tại xã L, huyện FF, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình ông bà chung sống không hạnh phúc nhiều lần phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông A không có trách nhiệm với gia đình, không phụ giúp bà trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con; mọi việc trong gia đình đều do bà gánh vác, ông A không có sự chia sẻ trong xây dựng hạnh phúc gia đình. Trong thời gian qua bà đã cố gắng chịu đựng, duy trì cuộc sống chung để nuôi dưỡng con nhưng ông A không có sự thay đổi, làm việc về nhậu nhẹt nên cuộc sống chung không hòa hợp, tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được, hai bên đều không có thiện chí hòa giải. Hiện nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn A.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung Nguyễn Trần Duy L, sinh ngày 02/9/2012; Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 18/12/2014; Nguyễn Trần Duy P, sinh ngày 09/11/2016. Khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Văn A cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay bà làm kinh doanh buôn bán, công việc ổn định với thu nhập 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc và không giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông A vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt và thông báo kết quả phiên họp cho ông A biết; do ông A vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không đến tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H, xử cho bà H với ông A ly hôn; giao 03 con chung Nguyễn Trần Duy L, sinh ngày 02/9/2012; Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 18/12/2014; Nguyễn Trần Duy P, sinh

ngày 09/11/2016 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên; ông A không phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn"* giữa nguyên đơn bà Trần Thị H với bị đơn ông Nguyễn Văn A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Bình Định vào ngày 29/02/2012 theo quy định pháp luật. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày do ông A không có trách nhiệm với gia đình, không đóng góp và chia sẻ với bà trong xây dựng hạnh phúc gia đình. Mặc dù bà H đã nhiều lần khuyên nhủ và cố gắng duy trì cuộc sống chung để vợ chồng nuôi dưỡng con nhưng ông A không có sự thay đổi nên cuộc sống chung không hòa hợp, tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được, hai bên đều không có thiện chí hòa giải. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H với ông A đã trầm trọng, ông A không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà H và không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên hòa giải, phiên tòa xét xử thể hiện không có thiện chí hòa giải, hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà H; ông bà đã chấm dứt cuộc sống chung không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông A là phù hợp, đúng pháp luật.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Trần Duy L, sinh ngày 02/9/2012; Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 18/12/2014; Nguyễn Trần Duy P, sinh ngày 09/11/2016. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì trong thời gian vợ chồng không cùng chung sống từ cuối

năm 2023, nguyên đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đảm bảo điều kiện phát triển mọi mặt về thể chất và tinh thần; cháu L và cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của con chung cần giao bà H trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung cho đến ngày các con chung thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông A cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H, xử cho bà Trần Thị H với ông Nguyễn Văn A ly hôn.

2. Về con chung: Giao 03 con chung Nguyễn Trần Duy L, sinh ngày 02/9/2012; Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 18/12/2014; Nguyễn Trần Duy P, sinh ngày 09/11/2016 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày các con chung thành niên. Ông Nguyễn Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0003997 ngày 11/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn A vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THADS huyện Đức Trọng;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Bình Định (Số 18, quyển số 01/2011, ngày đăng ký 29/02/2012);
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hạnh